

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển về Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025**

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 04 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-ĐU của Đảng ủy Trường Đại học Y-Dược về việc ban hành các Đề án công tác trọng tâm của Đảng ủy Trường Đại học Y-Dược khoá XVII, nhiệm kỳ 2020-2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác Quốc tế,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chiến lược phát triển về Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên giai đoạn 2021 – 2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Trưởng các phòng chức năng, khoa, bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHCN.

HIỆU TRƯỞNG



PGS. TS. Nguyễn Tiến Dũng

## KẾ HOẠCH

### Chiến lược phát triển về Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên Giai đoạn 2021-2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 276/QĐ-QĐ-ĐHYD, ngày 21 tháng 12 năm 2020)

#### 1. Giới thiệu chung về Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên

##### 1.1. Sứ mệnh

Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên có sứ mạng đào tạo cán bộ y tế trình độ đại học, sau đại học; nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; hỗ trợ phát triển hệ thống y tế; cung cấp dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân các dân tộc khu vực trung du, miền núi phía Bắc Việt Nam và cả nước.

##### 1.2. Tầm nhìn

Xây dựng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên thành một Đại học sức khỏe đa ngành, đa bậc học; cơ sở đào tạo lớn về nhân lực y tế; có tiềm năng và năng lực nghiên cứu khoa học, đội ngũ giảng viên và nghiên cứu viên trình độ cao, cơ sở vật chất đồng bộ để làm tiền đề phát triển vững chắc, hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế.

##### 1.3. Giá trị cốt lõi

Đoàn kết - Đổi mới - Chất lượng - Hiệu quả

##### 1.4. Triết lý giáo dục

Tâm đúc - Trí tài - Nhân ái

#### 2. Bối cảnh về Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

##### 2.1. Bối cảnh quốc tế

Nghiên cứu khoa học (viết tắt là NCKH) và chuyển giao công nghệ về lĩnh vực Y Dược trên thế giới phát triển rất nhanh chóng và đa dạng. Các

Trường Đại học trên thế giới và khu vực các chiến lược đa dạng để phát triển khoa học công nghệ theo chiều rộng và chiều sâu. Nguồn quỹ cho nghiên cứu khoa học ngày càng trở nên khan hiếm và thường phê duyệt cho những cơ sở có uy tín và danh tiếng.

## **2.2. *Bối cảnh trong nước***

Nhà nước và ngành y tế có chủ trương chú trọng đến phát triển khoa học công nghệ để phục vụ cho công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Các Trường Đại học Y Dược trong cả nước và các cơ sở y tế trong cả nước phát triển nghiên cứu theo chiều hướng chuyên sâu và phổ rộng. Việc đấu thầu, đăng ký các đề tài cấp nhà nước, cấp bộ, ngành trọng điểm đều dựa trên tiềm lực và năng lực nghiên cứu của các viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo. Chính vì vậy, các cơ sở nghiên cứu đều có những đầu tư thích đáng vào phát triển cơ sở vật chất, nguồn nhân lực cho phát triển khoa học và công nghệ.

## **2.3. *Bối cảnh của Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên***

Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên là một Trường Đại học đào tạo các lĩnh vực Y, Dược, Răng hàm mặt, Điều dưỡng và Hộ sinh, là cơ sở đào tạo và nghiên cứu khoa học lớn của khu vực miền núi phía Bắc. Trường đã xác định việc Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ là một trong hai nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường, đồng thời công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phải đóng góp vào việc chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng khu vực phía Bắc của Việt Nam. Nhà trường định hướng nghiên cứu khoa học tập trung vào công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu và lĩnh vực Dược, y học cổ truyền. Nghiên cứu khoa học sẽ đóng vai trò then chốt và sẽ phát triển để ngang tầm với các Trường Đại học Y Dược, trong nước và các nước trong khu vực.

Trong những năm vừa qua, hoạt động NCKH của trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên đã có những phát triển đáng kể về số lượng và chất lượng các đề tài và kinh phí dành cho nghiên cứu khoa học. Trường đã tạo được một số sản phẩm khoa học phục vụ chăm sóc sức khỏe, đào tạo, bao gồm các

quy trình công nghệ, một số sản chuyển giao công nghệ, thông qua các đề tài cấp bộ, cấp đại học, cấp cơ sở. Những thành quả này đã có những tác động nhất định đến cải thiện công tác chăm sóc sức khỏe, nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần đưa tiến bộ khoa học đến nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của người dân.

## **2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến công tác nghiên cứu khoa học của Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên**

### **2.4.1. Điểm mạnh**

- Là một trường đã thành lập 53 năm, có uy tín và kinh nghiệm trong nghiên cứu khoa học, đặc biệt là làm việc ở khu vực miền núi phía Bắc.
- Ngày càng có nhiều giảng viên có bài viết đăng trên các tạp chí chuyên ngành và đi tham dự các hội nghị khoa học trong nước, quốc tế và khu vực.
- Số giảng viên có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ tốt nghiệp ở nước ngoài đã tăng đáng kể và là nhân tố quan trọng để kết nối các hoạt động hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu.
- Đã nghiên cứu thành công và chuyển giao nhiều sản phẩm khoa học công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực kỹ thuật y học về ngoại khoa, chăm sóc người bệnh tại Bệnh viện Trường với các đơn vị, bệnh viện.
- Có uy tín cao với các địa phương, các bộ ngành trong đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao khoa học công nghệ, có lợi thế vùng khu vực miền núi.
- Đã có cơ chế khuyến khích các cá nhân, đơn vị tự chủ hoạt động bước đầu có hiệu quả trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ.
- Trong bối cảnh hội nhập và đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội, Trường có quan hệ với nhiều cơ sở y tế về đào tạo và các doanh nghiệp - đây sẽ là nền tảng để đặt nền móng cho việc hợp tác nghiên cứu dựa trên nhu cầu của các địa phương.
- Trường đã có quan hệ hợp tác với một số trường đại học trên thế giới về đào tạo, đây cũng sẽ là cơ sở để trường tiếp tục các hợp tác về nghiên cứu. *HN*

#### *2.4.2. Điểm yếu*

- Nghiên cứu khoa học chưa trở thành nhu cầu thực sự của giảng viên. Tỷ lệ giảng viên chủ trì đề tài nghiên cứu khoa học trên tổng số giảng viên còn thấp.
- Số lượng cán bộ thực sự có năng lực nghiên cứu còn hạn chế, nhiều cán bộ chưa đam mê nghiên cứu, làm việc chưa có tính chuyên nghiệp.
- Các cán bộ của Trường chưa có nhiều kinh nghiệm và năng lực đủ mạnh để tham gia đấu thầu các nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng điểm quốc gia, khu vực và quốc tế.
- Năng lực hội nhập quốc tế của Nhà trường trong khoa học công nghệ chưa đáp ứng yêu cầu; năng lực chủ động tìm kiếm cơ hội, đề tài khoa học từ các tỉnh của các bộ môn, khoa còn hạn chế.
- Sự phối hợp liên bộ môn, liên khoa trong xây dựng các nghiên cứu có tính ứng dụng góp phần cho nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ người bệnh còn hạn chế. Việc hình thành các nhóm nghiên cứu chưa phát triển mạnh.
- Một số thiết bị thí nghiệm, thực hành hiện đại thiếu người đủ khả năng sử dụng và thiếu kinh phí vận hành, một số trang thiết bị đầu tư chưa vận hành một cách hiệu quả.
- Tỷ trọng nguồn thu từ khoa học công nghệ còn thấp. Nguồn chi cho nghiên cứu khoa học chủ yếu từ ngân sách của Trường.

#### *2.4.3. Cơ hội*

- Hội nhập quốc tế và khu vực ngày càng sâu rộng: Tạo cơ hội cho việc tiếp nhận các chuyên gia đầu ngành, tiếp nhận công nghệ tiên tiến.
- Luật Khoa học công nghệ 2013 đã có hiệu lực từ 1 tháng 1 năm 2014.
- Nhu cầu của xã hội về các sản phẩm nghiên cứu ứng dụng, nhu cầu chuyển giao công nghệ y dược của các địa phương ngày càng cao.
- Lợi thế về điều kiện thiên nhiên, môi trường của khu vực miền núi. 

#### *2.4.4. Thách thức*

- Chính sách của nhà nước về đổi mới khoa học công nghệ còn bất cập.
- Những thay đổi về phương thức quản lý đề tài, dự án các cấp.
- Việt Nam đã vượt qua nhóm các nước nghèo nhưng năng lực cạnh tranh còn thấp.
- Cạnh tranh về khoa học công nghệ giữa các tổ chức, các cơ sở đào tạo ngày càng gia tăng, nhu cầu ngày càng tăng năng lực đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất theo các định hướng chuyên ngành ưu tiên chú trọng các sản phẩm đầu ra như bảo tồn gen và nguồn dữ liệu quý hiếm, nghiên cứu và sản xuất các sản phẩm khoa học công nghệ ứng dụng, chuyển giao khoa học công nghệ y dược. Trong khi đó năng lực nghiên cứu của cán bộ, cơ sở vật chất, phương tiện, máy móc của Trường còn khá khiêm tốn so với các cơ sở khác.
- Nguy cơ tụt hậu về phương pháp và kinh nghiệm nghiên cứu có xu hướng gia tăng so với các cơ sở khác và các nước trong khu vực, đặc biệt các nghiên cứu chuyên sâu.

### **3. Quan điểm phát triển**

Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ vừa là một trong hai nhiệm vụ quan trọng nhất của Trường Đại học: Đào tạo và nghiên cứu khoa học. Nghiên cứu khoa học là một phần quan trọng đóng góp vào việc nâng cao chất lượng đào tạo và tạo nên thương hiệu của Trường.

Nghiên cứu khoa học đa ngành, đa lĩnh vực chú trọng sản phẩm đầu ra của nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Các sản phẩm có tính ứng dụng trong nâng cao chất lượng đào tạo, góp phần cải thiện công tác chẩn đoán, điều trị, hỗ trợ nâng cao sức khỏe hoặc kết quả nghiên cứu được đăng tải trên các tạp chí có uy tín trong và ngoài nước, đặc biệt trên các tạp chí ISI, Scopus... trong đó phát huy thế mạnh của Trường trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe ban đầu tại khu vực khó khăn, miền núi; phát triển sản phẩm của Dược, Y học cổ



truyền qua các công trình nghiên cứu; Phát triển nghiên cứu khoa học gắn với sự phát triển các dịch vụ y tế của bệnh viện.

Xúc tiến công tác hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học và công nghệ, tạo ra những sự thay đổi cho việc phát triển khoa học và công nghệ của Nhà Trường trên tinh thần tìm kiếm cơ hội, cùng hợp tác và cùng phát triển.

Khuyến khích và thu hút nhân lực có đam mê và năng lực thực hiện nghiên cứu có chất lượng cao. Đầu tư ưu tiên cho những nghiên cứu có chất lượng cao, giá trị ứng dụng trong thực tiễn và có tiềm năng để chuyển giao khoa học công nghệ hoặc đăng ký bản quyền trí tuệ.

#### **4. Căn cứ pháp lý và cơ sở xây dựng kế hoạch chiến lược**

- Luật Khoa học và Công nghệ (Luật số 21/2000-QH10, ngày 09/6/2000);
- Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;
- Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;
- Nghị định 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016 quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;
- Thông tư số 09/2018/TT-BGDĐT ngày 30/3/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quản lý chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Thông tư số 22/2011/TT-BGDĐT ngày 30/5/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học;
- Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC, ngày 30/12/2015 của Bộ Khoa học Công nghệ và Bộ Tài chính về việc Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;
- Quyết định số 787/QĐ-BGDĐT ngày 29/03/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao trách nhiệm thực hiện công tác xác định đề tài KH&CN cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2020 cho Thủ trưởng tổ chức chủ trì;

- Quyết định số 2358/QĐ-ĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2018 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về Khuyến khích nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế của Đại học Thái Nguyên 12-12-2018;
- Quyết định số 1170/QĐ-ĐHTN ngày 06 tháng 6 năm 2018 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về Sở hữu trí tuệ và Khen thưởng đối với sản phẩm sở hữu trí tuệ, sản phẩm khoa học và công nghệ được chuyển giao của Đại học Thái Nguyên 12-12-2018;
- Quyết định số 5038/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Khối Cơ quan Đại học Thái Nguyên 12-12-2018;
- Quyết định số 3920/QĐ-ĐHTN ngày 16 tháng 9 năm 2016 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về công tác quản lý hoạt động khoa học và công nghệ của Đại học Thái Nguyên 12-12-2018;
- Quyết định số 1123/QĐ-ĐHTN ngày 06 tháng 10 năm 2011 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định công tác quản lý trực tuyến các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Đại học Thái Nguyên;
- Quyết định số 128/QĐ-ĐHYD ngày 6/02/2017 của Trường Đại học Y-Dược, Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên giai đoạn 2015 – 2020 và tầm nhìn 2025;
- Quyết định số 2599/QĐ-ĐHTN ngày 15/12/2020 của Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy định chế độ làm việc của Nhà giáo trong Đại học Thái Nguyên;
- Tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, quan điểm phát triển và thực trạng nguồn lực của Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên;
- Nhu cầu thực tiễn về phát triển khoa học và công nghệ ở khu vực miền núi phía Bắc và quốc gia.

## **5. Mục tiêu**

### *5.1. Mục tiêu chung*

Đến năm 2025, hoạt động khoa học và công nghệ sẽ đóng góp quan trọng vào sự phát triển của Nhà trường, trong đó các đề tài có khả năng ứng dụng, có tính hiệu quả về mặt lâm sàng, kinh tế – xã hội. Tạo ra sản phẩm khoa học công nghệ có hàm lượng khoa học cao và đáp ứng nhu cầu phát triển khoa học công



nghệ y dược của các tỉnh trung du miền núi phía Bắc; Đồng thời hỗ trợ có hiệu quả công tác đào tạo nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế, đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của nhân dân.

### 5.2. Mục tiêu cụ thể 2020-2025

Hoàn thiện các văn bản, cơ cấu tổ chức hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ nhằm khuyến khích, phát huy tối đa nguồn lực và hiệu quả đầu tư nghiên cứu khoa học.

100% giảng viên có trình độ tiến sỹ và 50% giảng viên có trình độ thạc sỹ công bố ít nhất 01 bài/1 năm trên các tạp chí khoa học chuyên ngành hoặc các hội nghị trong và ngoài nước. Số lượng đề tài nghiên cứu thu/tổng số giảng viên cơ hữu đạt 1,5.

10% đội ngũ cán bộ làm nghiên cứu khoa học có năng lực và trình độ cao, có khả năng tham gia nghiên cứu và viết bài đăng trên các tạp chí quốc tế làm nền tảng cho sự phát triển của Nhà trường. Số bài đăng trên tạp chí ISI và Scopus đạt mức trung bình 20 bài/năm.

80% sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học trong các lĩnh vực Y, Dược, Răng Hàm Mặt, Điều dưỡng và Hộ sinh có các bài báo xuất bản trên các tạp chí quốc gia.

Hoàn thiện thủ tục tối thiểu có 01 sản phẩm khoa học công nghệ đăng ký bản quyền sở hữu sản phẩm hoặc đăng ký giải pháp hữu ích của lĩnh vực Dược/Y học cổ truyền.

Hàng năm có ít nhất 05 đề tài nghiên cứu được nghiệm thu và chuyên giao công nghệ cho các cơ sở y tế về lĩnh vực y học lâm sàng/y học cơ sở/y tế công cộng/Dược.

Hoàn thiện hệ thống các phòng thí nghiệm và triển khai các nghiên cứu chuyên sâu, hợp tác với các phòng thí nghiệm trong khu vực để chú trọng phát

triển các nghiên cứu về công nghệ sinh học, tế bào để ứng dụng cho chẩn đoán và điều trị.

Đẩy mạnh hợp tác về nghiên cứu khoa học với nước ngoài. Đến năm 2025, có ít nhất 01 chương trình nghiên cứu hợp tác với nước ngoài được ký kết và triển khai.

Tham gia các hoạt động khoa học và công nghệ cấp quốc gia và quốc tế. Phấn đấu đến năm 2025, có ít nhất 01 giải thưởng về khoa học công nghệ cấp quốc gia hoặc khu vực.

Số lượng kinh phí cho các đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ tăng dần hàng năm và đảm bảo thực hiện theo nghị định số 99/2014/NĐ-CP quy định việc đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học.

## **6. Định hướng ưu tiên trong nghiên cứu khoa học**

**Thuốc và dược liệu:** Áp dụng khoa học và công nghệ trong nghiên cứu phát triển thuốc và các sản phẩm có nguồn gốc dược liệu. Ưu tiên phát triển vùng nguyên liệu và tập trung vào phát triển và bảo tồn nguồn dược liệu quý hiếm. Nghiên cứu tác dụng của dược liệu, đánh giá tác dụng trên thực nghiệm và lâm sàng. Trên cơ sở đó phát triển sản phẩm có nguồn gốc từ thiên nhiên và đăng ký sở hữu sản phẩm.

**Chăm sóc sức khỏe ban đầu:** Nghiên cứu các kỹ thuật và xây dựng các mô hình sàng lọc phát hiện sớm một số bệnh, chẩn đoán; tư vấn và cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho cộng đồng, đặc biệt đặc thù cho khu vực miền núi phía Bắc Việt Nam. Ứng dụng của công nghệ thông tin trong y học và công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu. Nghiên cứu dự báo về tình hình sức khỏe bệnh tật.

**Nghiên cứu cơ bản:** Triển khai các nghiên cứu về sinh học, hóa học, sinh lý, sinh hóa, lý sinh... tạo nền tảng cho sự phát triển của khoa học y học.

**Nghiên cứu về giáo dục y học:** Triển khai các nghiên cứu để đổi mới chương trình, phương pháp, tài liệu, vật liệu dạy học cho các ngành đào tạo, các nhóm đối tượng đào tạo trong Nhà Trường.

**Các dịch vụ về nghiên cứu khoa học:** Cung cấp các khóa đào tạo liên quan đến nghiên cứu khoa học cho các cơ sở y tế hoặc đối tượng có nhu cầu; Tư vấn xây dựng các thiết kế nghiên cứu khoa học hoặc đánh giá chương trình/hoạt động y tế.

## 7. Các giải pháp chủ yếu

### 7.1. Giải pháp thông tin

Phổ biến chiến lược khoa học công nghệ tới toàn thể cán bộ Khoa, thống nhất hoạt động theo chiến lược được phê duyệt.

Tăng cường tổ chức các seminar khoa học, hội nghị, hội thảo theo nhiệm vụ trọng tâm, giao lưu hợp tác với các chuyên gia trong cùng lĩnh vực tầm quốc gia và quốc tế. Đẩy mạnh công tác đưa tin trên trang web của Khoa, Trường.

Thúc đẩy thương mại, quảng bá các sản phẩm, dịch vụ khoa học công nghệ phục vụ chẩn đoán, điều trị, nghiên cứu thuốc và các dịch vụ đào tạo liên quan đến nghiên cứu khoa học.

### 7.2. Giải pháp về tổ chức

**Xây dựng nhóm nòng cốt NCKH theo từng lĩnh vực chuyên môn:** Thành lập các nhóm nòng cốt về nghiên cứu theo nhóm chuyên ngành: Y tế công cộng, Dược và điều dưỡng, Y học lâm sàng, Y học cơ sở và khoa học cơ bản. Các nhóm xây dựng định hướng và thực hiện các nghiên cứu chuyên sâu phù hợp với nhu cầu và năng lực của các đơn vị.

**Hình thành nhóm tư vấn và tìm kiếm thông tin:** Sự hình thành nhóm tư vấn và tìm kiếm thông tin sẽ tạo nên sự chủ động, sẵn sàng đáp ứng một cách nhanh chóng và hiệu quả yêu cầu của các cơ quan chủ quản. Nhóm tư vấn và tìm kiếm thông tin sẽ là cầu nối giữa nhà khoa học của trường với các khách

hàng có nhu cầu sử dụng các sản phẩm khoa học công nghệ. Đồng thời, nhóm này sẽ làm nhiệm vụ quảng bá các sản phẩm khoa học công nghệ của trường và xác định nhu cầu về khoa học công nghệ của các khách hàng.

**Thành lập các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, tiềm năng:** Nhóm này được thành lập trên tinh thần tự nguyện, tự chịu trách nhiệm trước Nhà trường. Thành phần là những nhà khoa học trẻ, tâm huyết, được đào tạo cơ bản sẵn sàng triển khai các đề tài nghiên cứu mà sản phẩm của nó có thể đăng tải trên tạp chí khoa học Quốc tế. Nhà trường sẽ hỗ trợ kinh phí để nhóm có thể thực hiện các đề tài và nghiệm thu khi trên cơ sở sản phẩm (bài báo quốc tế được đăng trên hệ thống ISI, Scopus..).

Với mỗi chuyên ngành/khoa cần xây dựng các đề án nghiên cứu chiến lược theo từng giai đoạn.

**Đề xuất và xét duyệt đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở:** Tổ chức hàng năm, tương tự việc thực hiện tổ chức nghiệm thu cũng tiến hành hàng năm. Đồng thời việc thanh quyết toán đề tài cũng diễn ra thường xuyên hàng tháng, sau khi chủ nhiệm đề tài có đầy đủ các sản phẩm của đề tài theo thuyết minh đã đăng ký. Khoán cho các khoa, bộ môn hướng dẫn NCKH cho sinh viên dựa trên số lượng cán bộ có học hàm giáo sư, phó giáo sư và trình độ học vị tiến sỹ, thạc sĩ.

**Tăng cường vai trò của các khoa, bộ môn trong nghiên cứu khoa học:** Việc đề xuất, phê duyệt/tham gia phê duyệt đề tài các cấp do hội đồng khoa học các khoa thực hiện. Đồng thời, các khoa tổ chức các siminar về khoa học thường kỳ hàng tháng để cập nhật kiến thức chuyên môn, nâng cao năng lực nghiên cứu cho cán bộ trẻ.

### **7.3. Giải pháp về nhân lực**

Phát triển đội ngũ nghiên cứu khoa học trong giảng viên và sinh viên. Ưu tiên đào tạo thành viên của các nhóm nghiên cứu chuyên sâu, nghiên cứu tiềm

năng về phương pháp, kỹ năng nghiên cứu. Tìm kiếm cơ hội và tạo điều kiện cho các thành viên này tham gia nghiên cứu chuyên sâu/ nghiên cứu hợp tác với các Trường/đơn vị trong khu vực và quốc tế.

Liên kết với các nhà khoa học của các trường, các cơ sở y tế, các đơn vị nghiên cứu có uy tín trong nước và các nước trong khu vực theo phương thức hai bên cùng có lợi, mục đích chính là tạo ra các sản phẩm nghiên cứu mang tầm quốc gia, quốc tế và nâng cao năng lực cho cán bộ, sinh viên về nghiên cứu khoa học.

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học trong sinh viên, nhà khoa học trẻ để tạo tiền đề các nghiên cứu chuyên sâu về sau và có các công trình chất lượng cao tham gia hội thi khoa học công nghệ đạt giải thưởng cao.

Các khoa/bộ môn, các nhóm nghiên cứu cù đầu mối để chủ động tìm kiếm cơ hội hợp tác quốc tế về nghiên cứu.

Có cơ chế thu hút đầu tư thỏa đáng, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà khoa học làm việc, khuyến khích đổi mới sáng tạo.

Có chính sách và cơ chế thuê chuyên gia/cán bộ nghiên cứu theo hợp đồng dịch vụ, nhiệm vụ khoa học công nghệ.

#### **7.4. Giải pháp về cơ sở vật chất**

Xây dựng trung tâm đào tạo và nghiên cứu thực địa, bao gồm việc nuôi trồng và bảo tồn gen của các loại dược liệu quý, đặc thù khu vực miền núi. Đây sẽ là cơ sở để phát triển các nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng về dược và chăm sóc sức khỏe ban đầu.

Đầu tư trang thiết bị vật chất phục vụ cho các hướng nghiên cứu ưu tiên, hình thành tổ chức và xây dựng phòng thí nghiệm trọng điểm về Dược, y học cơ sở, y học cơ bản.

Kết hợp khai thác sử dụng các trung tâm đã xây dựng phục vụ cho cung cấp dịch vụ y tế để tiến hành các nghiên cứu như Trung tâm chẩn đoán trước sinh, Trung tâm xét nghiệm kỹ thuật cao, bệnh viện Trung ương Thái Nguyên.

### **7.5. Giải pháp về tài chính**

Khai thác các nguồn ngân sách đầu tư từ các quỹ khoa học công nghệ quốc gia, các dự án tăng cường năng lực nghiên cứu, đề tài các cấp...

Khai thác các đề tài, dự án từ nghị định thư, hợp tác với nước ngoài, từ đặt hàng của các doanh nghiệp, địa phương...

Tìm và khai thác hợp đồng nghiên cứu triển khai với các các bệnh viện... để trở thành nguồn tài chính thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ.

Lập quỹ nghiên cứu khoa học từ nguồn ngân sách của Trường: Ngày 25 tháng 10 năm 2014, Chính phủ đã ban hành Nghị định 99/2014/NĐ-CP quy định về đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động khoa học công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học. Theo đó các cơ sở giáo dục đại học sẽ phải đầu tư 5% nguồn thu hợp pháp cho hoạt động nghiên cứu khoa học cơ sở và 3% nguồn học phí để đầu tư cho nghiên cứu khoa học của sinh viên. Đây sẽ là nguồn kinh phí hỗ trợ cho nhóm nghiên cứu chuyên sâu thực hiện các đề tài nghiên cứu cơ bản và sinh viên thực hiện các ý tưởng khoa học.

## **8. Tổ chức thực hiện**

Ban Giám hiệu và Hội đồng khoa học Trường đồng ý về chủ trương và ban hành chiến lược phát triển Khoa học Công nghệ của Trường.

Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế sẽ quản lý chung và giám sát các hoạt động khoa học của Trường.

Các Khoa/đơn vị đề xuất cán bộ tham gia các nhóm, xây dựng chiến lược/kế hoạch nghiên cứu. Phòng Khoa học Công nghệ và Hợp tác quốc tế đồng hành cùng các nhóm thiết kế đề cương, tìm kiếm nguồn và phối hợp/hỗ trợ trong quá trình triển khai và hoàn thiện nghiên cứu. *[LH]*

Hàng năm, Nhà trường tổ chức đánh giá việc thực hiện chiến lược, kế hoạch để điều chỉnh cho năm tiếp theo.

## 9. Các chỉ tiêu chính giai đoạn 2021-2025

- Số lượng đề tài nghiên cứu theo Nghị định thư: 01 đề tài;
- Số lượng đề tài cấp Bộ: 2 đề tài/l năm;
- Số lượng đề tài cấp tỉnh: 02 đề tài/l năm;
- Số lượng đề tài cấp cơ sở: 150-170 đề tài/l năm;
- Số lượng nghiên cứu chung với tổ chức trong nước: 2-3 nghiên cứu/l nhiệm kỳ;
- Số lượng nghiên cứu chung với quốc tế: 1-2 đề tài/l nhiệm kỳ;
- Số lượng công trình công bố trong nước: 120 - 150 bài/l năm;
- Số lượng chuyển giao công nghệ từ đề tài các cấp hoặc các kỹ thuật: từ 1 đến 2 kỹ thuật/1 năm.

## 10. Kế hoạch hoạt động

TT	Tên hoạt động	Thời gian	Tham gia/phối hợp
1.	Đầu tư trang thiết bị cho các phòng thí nghiệm, trung tâm thực địa để xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi triển khai các nghiên cứu khoa học	Hàng năm	Quản trị phục vụ, trung tâm nghiên cứu thực địa
2.	Nâng cao năng lực cán bộ (cử đi đào tạo, dự hội nghị/hội thảo, tập huấn tại chỗ)	Hàng năm	HCTC, các khoa/BM
3.	Tổ chức hội nghị khoa học thường niên dành cho cán bộ, sinh viên, chuyên ngành	Hàng năm	Hội sinh viên Các khoa/BM
4.	Thành lập Tạp chí khoa học vào danh mục tạp chí của hội đồng chúc danh	Năm 2021 và duy trì	Các nhà khoa học trong và ngoài trường

8/11

	giáo sư	hàng năm	
5.	Tìm kiếm nguồn kinh phí và triển khai đề tài khoa học các cấp (nghi định thư, hợp tác nước ngoài, nhà nước, bộ, tỉnh, đại học, cấp trường)	Hàng năm	Các khoa/BM, nhóm nghiên cứu
6.	Hội nghị khoa học các cấp, tham gia triển lãm quảng bá kết quả nghiên cứu, các cuộc thi về nghiên cứu khoa học	Hàng năm	Các nhóm nghiên cứu
7.	Chuyển giao công nghệ, sản phẩm nghiên cứu cho các đơn vị liên quan	Hàng năm	Các nhóm nghiên cứu



PGS.TS Nguyễn Tiến Dũng